

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2022

Về việc ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thanh Tuyền.

2. Bà Hồ Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh P, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp B, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Chị T, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú cuối cùng: KV 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

(Anh P có mặt; chị T vắng mặt phiên tòa lần 02 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Năm 2007 anh P và chị T kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 20/6/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H. Anh chị có 01 người con chung là N, sinh ngày 30/4/2009. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau về suy nghĩ và tính cách nên sống ly thân từ tháng 01/2014 đến nay. Khi sống ly thân chị T giao

con cho anh P nuôi cho đến nay.

Nay anh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T. Anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi con; không yêu cầu cấp dưỡng. Anh P trình bày không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là chị T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P và tiếp tục giao con cho anh P nuôi. Không ai yêu cầu gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh P yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh P yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn và nuôi con*”.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hai lần để xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Năm 2007 anh P và chị T đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 01/2014 đến nay. Sau khi sống ly thân, chị T bỏ địa phương đi, chính quyền địa phương và gia đình không biết chị T đi đâu và làm gì. Năm 2018, anh P yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với chị T nhưng đến nay vẫn không có tung tích gì của chị T.

Ngày 21/9/2021 anh P nộp đơn xin ly hôn và xác định nơi cư trú cuối cùng của chị T tại KP 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Tòa án đã liên hệ với chính quyền địa phương và gia đình chị T nhưng đều không biết hiện tại chị T làm gì, ở đâu. Tòa án đã tiến hành thông báo trên báo, đài và niêm yết các thủ tục tố

tụng theo quy định nhưng chị T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo yêu cầu của anh P.

Xét thấy, anh chị mâu thuẫn thời gian dài, sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Anh chị là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau là vi phạm Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc cho anh P ly hôn với chị T.

[3] Anh chị có 01 người con chung là N, sinh ngày 30/4/2009, hiện đang sống chung với anh P và có nguyện vọng sống chung anh P. Xét thấy từ khi anh P và chị T sống ly thân, chị T bỏ địa phương đi, giao con lại cho anh P chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi con; hiện tại chị T không có mặt địa phương nên cần giao N cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp quy định của pháp luật.

Anh P không yêu cầu cấp dưỡng, đồng thời trình bày không tài sản và nợ chung; không ai yêu cầu vấn đề gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền yêu cầu trong vụ án khác.

[4] Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm:

Anh P phải chịu chi phí thông báo nhấn tin là 3.339.000 đồng. Anh P đã nộp xong.

Anh P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P đối với chị T. Anh P được ly hôn với chị T.

2- Về con chung: Giao N cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trường hợp người trực tiếp nuôi con vi phạm nghĩa vụ hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3- Về chi phí tố tụng: Anh P phải chịu phí thông báo nhậm tin là 3.339.000 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng). Anh P đã nộp xong.

4- Về án phí sơ thẩm: Anh P chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005043 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

5- Anh P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị T vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận